

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI
QUÝ I/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		790,183,817,625	341,677,137,615
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	984,587,607	21,385,742,759
1. Tiền	111		984,587,607	21,385,742,759
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		565,889,424,467	112,804,500,439
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	60,376,238,513	57,994,503,543
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	81,617,376,644	78,307,480,564
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	460,932,394,876	13,539,101,898
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(37,036,585,566)	(37,036,585,566)
III. Hàng tồn kho	140		208,406,472,118	206,497,716,460
1. Hàng tồn kho	141	V.6	208,406,472,118	206,497,716,460
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		14,903,333,433	989,177,957
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.a	14,656,494,405	745,335,833
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		66,455,034	63,458,130
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	180,383,994	180,383,994
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		974,109,515,809	470,726,068,383
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		64,235,197,558	52,691,521,708
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		10,562,431,458	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	53,672,766,100	52,691,521,708
II. Tài sản cố định	220		13,130,930,566	6,609,420,985
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.a	11,387,026,118	4,824,960,620
Nguyên giá	222		36,728,429,786	29,841,170,526
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,341,403,668)	(25,016,209,906)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9.b	1,743,904,448	1,784,460,365
Nguyên giá	228		3,082,249,709	3,082,249,709
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,338,345,261)	(1,297,789,344)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,377,509,844	2,342,051,844
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	2,377,509,844	2,342,051,844
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	250		784,124,765,352	325,374,765,352
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10a	515,700,000,000	56,950,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10b	150,000,000,000	150,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10c	120,780,900,000	120,780,900,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2,356,134,648)	(2,356,134,648)
V. Tài sản dài hạn khác	260		110,241,112,489	83,708,308,494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.b	110,241,112,489	83,708,308,494
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,764,293,333,434	812,403,205,998

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		793,433,152,590	549,913,073,288
I. Nợ ngắn hạn	310		428,783,721,132	545,826,073,288
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	120,095,622,892	98,175,639,142
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	75,277,233,409	72,812,937,241
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	44,955,031,540	17,315,691,539
4. Phải trả người lao động	314		1,105,127,952	1,156,559,047
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	36,603,567,479	37,119,048,080
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.a	18,704,528,910	186,875,738,289
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.a	130,203,658,900	130,531,509,900
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	1,838,950,050	1,838,950,050
II. Nợ dài hạn	330		364,649,431,458	4,087,000,000
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		10,562,431,458	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15.b	4,087,000,000	4,087,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.b	350,000,000,000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		970,860,180,844	262,490,132,710
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	970,860,180,844	262,490,132,710
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		790,000,000,000	200,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		790,000,000,000	200,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		152,635,272,727	34,635,272,727
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21,282,835,714	21,282,835,714
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6,942,072,403	6,572,024,269
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6,563,180,414	495,757,954
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		378,891,989	6,076,266,315
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1,764,293,333,434	812,403,205,998

Lưu Thị Hằng
Người lập biểu

Lương Thị Nhi Hải
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2021	
			Quý 1 năm nay	Số lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Số lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(VI.1)	17,813,895,736	17,813,895,736	26,428,717,516	26,428,717,516
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17,813,895,736	17,813,895,736	26,428,717,516	26,428,717,516
4. Giá vốn hàng bán	11	(VI.2)	14,356,802,403	14,356,802,403	21,144,504,723	21,144,504,723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3,457,093,333	3,457,093,333	5,284,212,793	5,284,212,793
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(VI.3)	17,941,188	17,941,188	113,306,038	113,306,038
7. Chi phí tài chính	22	(VI.4)	55,072,969	55,072,969	8,784,744,701	8,784,744,701
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		55,072,969	55,072,969	6,534,744,701	6,534,744,701
8. Chi phí bán hàng	25	(VI.5)	104,159,669	104,159,669	237,792,644	237,792,644
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(VI.6)	2,870,027,752	2,870,027,752	1,865,293,829	1,865,293,829
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		445,774,131	445,774,131	(5,490,312,343)	(5,490,312,343)
11. Thu nhập khác	31	(VI.7)	1,609,636,670	1,609,636,670	1,089,773,409	1,089,773,409
12. Chi phí khác	32	(VI.8)	1,581,795,815	1,581,795,815	999,632,985	999,632,985
13. Lợi nhuận khác	40		27,840,855	27,840,855	90,140,424	90,140,424
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		473,614,986	473,614,986	(5,400,171,919)	(5,400,171,919)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(VI.9)	94,722,997	94,722,997	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		378,891,989	378,891,989	(5,400,171,919)	(5,400,171,919)
18. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70	(VI.11)	11	11	(270)	(270)

Lưu Thị Hằng
Người lập biểu

Lương Thị Nhi Hải
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		473,614,986	(5,400,171,919)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		365,749,679	687,795,157
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17,941,188)	2,136,693,963
Chi phí lãi vay	06	(VI.4)	-	6,534,744,701
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		821,423,477	3,959,061,902
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(917,220,908,827)	676,645,202,747
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,908,755,658)	(7,621,865,186)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(116,754,151,184)	(380,090,167,527)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(40,443,962,567)	733,645,318
Tiền lãi vay đã trả	14		(55,072,969)	(21,297,535,169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		3,912,514,617	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1,071,648,913,111)	272,328,342,085
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6,887,259,260)	(113,500,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		500,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17,941,188	806,038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6,369,318,072)	(112,693,962)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		708,000,000,000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	(VIII.1)	350,000,000,000	5,700,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(VIII.2)	(327,851,000)	(247,430,000,000)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(55,072,969)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1,057,617,076,031	(241,730,000,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(20,401,155,152)	30,485,648,123
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		21,385,742,759	701,988,810
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		984,587,607	31,187,636,933
(70 = 50+60+61)				



Lưu Thị Hằng
Người lập biểu



Lương Thị Nhi Hải
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

I. THÔNG TIN CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (Dưới đây gọi là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259916 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, và thay đổi lần gần nhất là lần thứ 16 ngày 05 tháng 04 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 790.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 790.000.000.000 đồng; tương đương 79.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

(Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi tỷ đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại và dịch vụ xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá, sỏi, đất sét
- Khai thác và thu gom than bùn
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Cơ sở lưu trú khác
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
- Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Hoạt động chiếu phim
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác, chưa được phân vào đâu
- Cho thuê xe có động cơ.

Công ty có trụ sở tại: Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Đầu tư DGT	Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, KP1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	20,000,000,000	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh VLXD DGT	Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, KP1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	5,000,000,000	100%
Công ty TNHH MTV DGT- Nghệ An	Số 3, Đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	100,000,000,000	100%
Công ty TNHH MTV DGT -Vũng Tàu	Tầng 4, Vũng Tàu Plaza, Số 207 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	20,000,000,000	100%
Công ty liên kết	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ
Công ty TNHH Đồng Lợi	Số 3, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	300,000,000,000	50%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp Khai thác cát Đắc Lua	Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng	Thôn 8, xã Nhân Cơ, huyện Đắc Rắp, tỉnh Đắc Nông
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng số 1	Thôn 1, xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng số 2	Thôn 5, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Tổng số nhân viên

Số lượng nhân viên: Tại ngày 31/03/2022, Công ty có 51 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm
- Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty sử dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các nguyên tắc kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm: Giá trị hàng tồn kho cuối năm = Giá trị hàng tồn đầu năm + Giá trị hàng nhập trong năm - Giá trị hàng xuất trong năm. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	02 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	02 - 06 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo phương pháp giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Khoản tổn thất do công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập dự phòng hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.

Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong năm không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng năm không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:

- + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
- + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ.
- Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong năm. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022**

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán (tiếp theo)

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong năm.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm này nhỏ hơn số phải lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

- Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời gian và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	202,170,752	97,128,025
Tiền gửi ngân hàng (*)	782,416,855	21,288,614,734
Cộng	984,587,607	21,385,742,759

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI****Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022****(*) Chi tiết tiền gửi Ngân hàng - VND**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Đồng Nai (Cửa hàng VLXD số 1 và số 2)	2,077,397	1,588,527
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đồng Nai	30,670,767	30,875,551
Ngân hàng TMCP Công thương VN - KCN Biên Hòa (108244)	584,269	1,771,645
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - KCN Biên Hòa (163136)	1,321,635	1,439,761
Ngân hàng TMCP Công thương VN - KCN Biên Hòa (XN Cát)	10,148,157	104,661,754
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Đồng Nai	3,343,292	3,407,614
Cty CP Chứng khoán KB Việt Nam - CN HCM	1,965,918	1,964,935
Chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia	326,780	20,000,770,380
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai (TPB9501)	40,875,486	244,453,292
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội (204)	2,297,058	2,296,492
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đồng Nai (VPB 7705)	661,124,483	708,060,999
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đồng Nai (VPB 8108)	21,380,187	5,125,857
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội (303)	9,808	141,340,839
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội (402)	311	37,805,613
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	1,430,634	1,661,334
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	1,258,471	1,390,141
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (USD) 357	2,254,222	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đồng Nai (VPB 9777)	1,347,980	
Cộng	782,416,855	21,288,614,734

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bên liên quan	13,200,000	-	13,200,000	-
Công ty TNHH MTV DGT - Vũng Tàu	13,200,000	-	13,200,000	-
Đối tượng không phải bên liên quan	60,363,038,513	8,231,279,450	57,981,303,543	8,231,279,450
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cienco4	7,399,420,772	-	7,999,420,772	-
Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắc Nông	3,817,956,751	3,817,956,751	3,817,956,751	3,817,956,751
Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ An Giang	2,023,051,074	2,023,051,074	2,023,051,074	2,023,051,074
Công ty TNHH Lộc Trường Kỳ	-	(928,594,287)	-	(928,594,287)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hiệp An	11,391,320,000	-	11,391,320,000	-
Công ty TNHH Lâm Phong	267,704,231	366,704,231	410,704,231	366,704,231
Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	3,215,338,122	-	6,215,338,122	-
Công ty TNHH Công trình Giao thông Trọng Tín	2,228,253,019	-	2,228,253,019	-
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	23,329,248,693	-	17,819,929,804	-
Đối tượng khác	6,690,745,851	2,952,161,681	6,075,329,770	2,952,161,681
Cộng	60,376,238,513	8,231,279,450	57,994,503,543	8,231,279,450

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	-	-
Đối tượng không phải bên liên quan	81,617,376,644	28,040,973,098	78,307,480,564	28,040,973,098
Công ty TNHH TMDV Thi công XD Cầu Đường Hồng An	-	(2,100,000,000)	-	(2,100,000,000)
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	32,919,000,000	-	32,919,000,000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu Tư Lộc Hương	12,604,305,150	-	12,604,305,150	-
CN Bình Dương - Công ty TNHH Hoàng Giai	-	-	200,000,000	-
Công ty CP Mỹ thuật Ứng dụng Con Sóng Nhỏ	700,000,000	-	200,000,000	-
Đối tượng khác	35,394,071,494	30,140,973,098	32,384,175,414	30,140,973,098
Cộng	81,617,376,644	28,040,973,098	78,307,480,564	28,040,973,098

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

4. Phải thu khác

a. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	809,208,492	-	323,856,810	-
Lê Tú Anh	20,641,000	-	12,141,000	-
Nguyễn Bảo Huy	40,000,000	-	40,000,000	-
Nguyễn Huỳnh Giang	120,000,000	-	105,000,000	-
Lê Trọng Ước	84,094,509	-	84,094,509	-
Đối tượng khác	544,472,983	-	82,621,301	-
Phải thu ngắn hạn khác	460,123,186,384	764,333,018	13,215,245,088	764,333,018
Bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Đầu tư DGT	1,357,000,000	-	-	-
Công ty TNHH MTV DGT Đông Tháp	5,000,000	-	1,357,000,000	-
Công ty TNHH MTV DGT Nghệ An	305,000,000	-	-	-
Đối tượng không phải bên liên quan				
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận	825,000,000	-	759,000,000	-
Tăng Xuân Hưng (XNBTN)	280,039,978	280,039,978	280,039,978	280,039,978
Đặng Thành Long	398,462,210	398,462,210	398,462,210	398,462,210
Trung tâm Phát triển Quý Đất Thành phố Biên Hòa	8,698,611,086	-	8,698,611,086	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ	1,530,551,184	-	1,530,551,184	-
Phải thu hợp tác đầu tư	445,541,000,000	-	-	-
Đối tượng khác	1,182,521,926	85,830,830	191,580,630	85,830,830
Cộng	460,932,394,876	764,333,018	13,539,101,898	764,333,018

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

4. Phải thu khác (tiếp theo)

b. Phải thu khác dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	53,672,766,100	-	52,691,521,708	-
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai - Điện Lực Biên Hòa	120,000,000	-	120,000,000	-
Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Đồng Nai (XN Đá)	2,716,851,765	-	2,573,090,449	-
Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Đồng Nai (XN Cát)	646,624,335	-	609,141,259	-
Võ Diệp Cẩm Vân	31,137,000,000	-	31,137,000,000	-
Quỹ Đầu Tư Cơ Hội PVI (POF)	18,000,000,000	-	18,000,000,000	-
Đối tượng khác	1,052,290,000	-	252,290,000	-
Cộng	53,672,766,100	-	52,691,521,708	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	50,758,542,266	-	55,389,706,598	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154,041,029,308	-	150,963,341,025	-
Thành phẩm	3,606,900,544	-	144,668,837	-
Cộng	208,406,472,118	-	206,497,716,460	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI****Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022****6. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	14,656,494,405	745,335,833
Công cụ dụng cụ xuất dùng	311,847,018	40,993,811
Chi phí phát hành trái phiếu	14,000,000,000	
Chi phí đồ dùng văn phòng	208,989,248	401,314,477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135,658,139	303,027,545
b. Chi phí trả trước dài hạn	110,241,112,489	83,708,308,494
Chi phí khai thác khoáng sản Mỏ đá Tân Cang	104,934,537,242	83,245,767,394
Chi phí khai thác mỏ cát	4,901,549,382	10,751,262
Chi phí xây dựng phục vụ trạm trộn BTN	150,192,896	167,961,374
Chi phí khác	254,832,969	283,828,464
Cộng	124,897,606,894	84,453,644,327

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dự án KCN Tuy Phong	35,458,000	-
Dự án Khu đất văn phòng Công ty	1,845,357,298	1,845,357,298
Dự án Mỏ cát Long An	5,374,546	5,374,546
Lô đất xã Phước Tân, H. Long An, T. Đồng Nai	491,320,000	491,320,000
Cộng	2,377,509,844	2,342,051,844

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

8. Tình hình tăng, giảm Tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Số dư đầu kỳ	4,642,669,418	17,039,677,973	8,074,909,310	83,913,825	-	29,841,170,526
Số tăng trong kỳ	128,000,000	-	6,759,259,260	-	-	6,887,259,260
- Mua trong kỳ	128,000,000	-	6,759,259,260	-	-	6,887,259,260
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,770,669,418	17,039,677,973	14,834,168,570	83,913,825	-	36,728,429,786
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2,440,037,236	15,528,084,263	6,964,174,582	83,913,825	-	25,016,209,906
Số tăng trong kỳ	89,659,460	133,740,704	101,793,598	-	-	325,193,762
- Khấu hao trong kỳ	89,659,460	133,740,704	101,793,598	-	-	325,193,762
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại (*)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,529,696,696	15,661,824,967	7,065,968,180	83,913,825	-	25,341,403,668
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	2,202,632,182	1,511,593,710	1,110,734,728	-	-	4,824,960,620
Tại ngày cuối kỳ	2,240,972,722	1,377,853,006	7,768,200,390	-	-	11,387,026,118

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI****Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022****8. Tình hình tăng, giảm Tài sản cố định (tiếp theo)****b. Tài sản cố định vô hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Quyền khai thác mỏ cát	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	3,082,249,709	3,082,249,709
- Mua trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	3,082,249,709	3,082,249,709
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1,297,789,344	1,297,789,344
- Khấu hao trong kỳ	40,555,917	40,555,917
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối kỳ	1,338,345,261	1,338,345,261
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	1,784,460,365	1,784,460,365
Tại ngày cuối kỳ	1,743,904,448	1,743,904,448

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

9. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Đơn vị tính: VNĐ
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
a. Đầu tư vào công ty con					
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu Xây dựng DGT	5,000,000,000	-	5,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty TNHH MTV Đầu tư DGT	345,000,000,000	-	345,000,000,000	20,000,000,000 (1,269,552,232)	20,000,000,000
Công ty TNHH MTV DGT - Nghệ An (1)	100,000,000,000	-	100,000,000,000	31,950,000,000 (672,302,478)	31,950,000,000
Công ty TNHH MTV DGT - Đồng Tháp	65,700,000,000				
Cộng	515,700,000,000	-	450,000,000,000	56,950,000,000 (1,941,854,710)	56,950,000,000

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

9. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VNĐ
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
b. Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty TNHH Đồng Lợi (Tỷ lệ sở hữu 50%)	150,000,000,000	-	150,000,000,000	150,000,000,000	150,000,000,000
Cộng	150,000,000,000	-	150,000,000,000	150,000,000,000	150,000,000,000
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp (Số lượng CP: 3.600.000)	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VNĐ
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
	120,780,900,000	-	158,400,000,000	120,780,900,000	158,400,000,000
Cộng	120,780,900,000	-	158,400,000,000	120,780,900,000	158,400,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI****Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022****10. Phải trả người bán ngắn hạn**

Bên liên quan	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đối tượng không phải bên liên quan	118,404,626,212	96,777,337,218
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN	1,690,996,680	1,398,301,924
Công ty TNHH Lộc Trường Kỳ	3,889,233,926	3,889,233,926
Công ty TNHH Trường Toàn	3,708,148,344	3,708,148,344
Công ty TNHH Xây dựng Hợp Thành Phát	1,579,794,065	1,579,794,065
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Xuân Phương Phát	5,772,881,921	6,772,881,921
Công ty TNHH Khánh Toàn Phát	1,591,242,252	1,591,242,252
Công ty Cổ phần Đầu tư XD Giao thông Đức Tân	766,908,350	766,908,350
Công ty TNHH MTV Đức Thành Hưng Phát	2,753,558,710	3,443,306,996
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Minh Phát	21,655,629,931	16,058,184,391
Công ty CP THT Holdings Việt Nam	19,142,113,098	20,604,613,098
Công ty CP Xây dựng Vina Descon Việt Nam	20,354,083,795	22,254,083,795
CN nhựa đường Petrolimex Sài Gòn - Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	895,038,200	1,039,964,300
CN Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất Mỏ Nam Bộ - Micco tại Đồng Nai	4,460,764,275	2,476,590,158
Đối tượng khác	31,835,229,345	12,592,385,622
Cộng	120,095,622,892	98,175,639,142

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Bên liên quan	21,895,857,885	19,207,312,765
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh VLXD DGT	21,895,857,885	19,207,312,765
Đối tượng không phải bên liên quan	53,381,375,524	53,605,624,476
Công ty TNHH MTV Đức Thành Hưng Phát	393,619,527	1,211,069,233
Công ty TNHH Chúc Phương	3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất VLXD (BMJC)	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận	44,364,804,000	44,364,804,000
Công ty TNHH Hata Sài Gòn	2,926,633,276	3,926,633,276
Đối tượng khác	1,696,318,721	103,117,967
Cộng	75,277,233,409	72,812,937,241

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	-	1,894,496,129	1,894,496,129	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1,705,121,058	94,722,997	-	-	1,799,844,055
Thuế thu nhập cá nhân	-	8,768,097	50,459,336	58,719,616	-	507,817
Thuế tài nguyên	-	3,999,213,386	1,495,606,368	2,472,302,830	-	3,022,516,924
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3,932,472,242	-	-	-	3,932,472,242
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	180,383,994	7,670,116,756	29,911,065,917	1,381,492,171	180,383,994	36,199,690,502
Cộng	180,383,994	17,315,691,539	33,446,350,747	5,807,010,746	180,383,994	44,955,031,540

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI****Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022****13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng mỏ đá Tân Cang	8,698,611,086	8,698,611,086
Đường dẫn vào cầu An Hào	2,086,322,995	2,144,349,593
Đường Cộ Cây Xoài H.Vĩnh Cửu	397,235,455	397,235,455
Chi phí lãi vay	24,190,276,052	25,046,379,064
Lê Trọng Ước	81,987,500	296,750,000
Mỏ đá Tân Cang	-	266,404,276
CN Công ty CP Công trình giao thông Đồng Nai - XN Bê tông Nhựa nóng	31,309,753	21,127,945
Đối tượng khác	1,117,824,638	248,190,661
Cộng	36,603,567,479	37,119,048,080

14. Phải trả khác**a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	24,352,216	82,913,384
Bảo hiểm xã hội	128,781,602	64,280,401
Bảo hiểm y tế	22,910,751	11,992,599
Bảo hiểm thất nghiệp	5,270,458	2,565,022
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	200,000,000	200,000,000
Công ty TNHH Phú Gia Lương	200,000,000	200,000,000
Phải trả ngắn hạn khác	18,323,213,883	186,513,986,883
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV SX & KD VLXD DGT	7,400,000,000	6,200,000,000
Đối tượng không phải bên liên quan		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông khác	686,092,770	686,092,770
Trợ cấp thôi việc	844,713,994	864,713,994
Công ty Cổ phần Tân Cang	3,000,000,000	3,000,000,000
Trương Hiền Vũ	-	173,000,000,000
Tổng Cty CP XNK và XD Việt Nam - Vinaconex	5,211,418,015	2,402,869,384
Đối tượng khác	1,180,989,104	360,310,735
Cộng	18,704,528,910	186,875,738,289

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

14. Phải trả khác (tiếp theo)**b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1,957,000,000	1,957,000,000
Công ty TNHH MTV Bảo Ngọc Thụ	200,000,000	200,000,000
Công ty TNHH MTV Đức Thành Hưng Phát	1,008,000,000	1,008,000,000
Công ty TNHH Chúc Phương	500,000,000	500,000,000
Công ty TNHH MTV Đất Võ	170,000,000	170,000,000
Công ty TNHH TMDV Khoáng sản Kim Thảo Phát	79,000,000	79,000,000
Phải trả dài hạn khác	2,130,000,000	2,130,000,000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ (*)	2,130,000,000	2,130,000,000
Cộng	4,087,000,000	4,087,000,000

(*) Khoản phải trả khác dài hạn cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ là khoản phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HTKD-PKD ngày 01/10/2012 về việc đầu tư, khai thác, kinh doanh cát tại mỏ cát Đắc Lua, huyện Tân Phú và phụ lục 1 - hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10A/PLHTKD-PKD ngày 23/04/2013. Giá trị vốn góp theo hợp đồng là 22.803.000.000 VND, Công ty góp 7.753.020.000 VND, tương đương 34% và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Đông Nam Bộ góp 15.049.980.000 VND, tương đương 66%.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Chi tiết tại phụ lục 1

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền thuê đất bị truy thu tại Khu công nghiệp Biên Hòa từ 01/01/2006 đến 31/12/2015	1,838,950,050	1,838,950,050
Cộng	1,838,950,050	1,838,950,050

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI****Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022****17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tại Phụ lục 2

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Vốn góp của các cổ đông	790,000,000,000	100.00%	200,000,000,000	100.00%
- Các cổ đông	790,000,000,000	100.00%	200,000,000,000	100.00%
Cộng	790,000,000,000	100.00%	200,000,000,000	100.00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	790,000,000,000	200,000,000,000
- Vốn góp đầu năm	200,000,000,000	200,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	590,000,000,000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	790,000,000,000	200,000,000,000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79,000,000	20,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	79,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	79,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (*)	79,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	79,000,000	20,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

e. Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Quỹ đầu tư phát triển	21,282,835,714	21,282,835,714
Cộng	21,282,835,714	21,282,835,714

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Doanh thu xây lắp	0		8,429,987,971	8,429,987,971
Doanh thu dịch vụ cho thuê	1,507,407,408	1,507,407,408	1,500,000,000	1,500,000,000
Doanh thu bán đá	15,967,627,328	15,967,627,328	15,995,830,000	15,995,830,000
Doanh thu bán vật liệu xây dựng khác	96,000,000	96,000,000	23,450,000,000	23,450,000,000
Doanh thu gia công, sx bê tông nhựa nóng	242,861,000	242,861,000	502,899,545	502,899,545
Cộng	17,813,895,736	17,813,895,736	49,878,717,516	49,878,717,516

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Giá vốn xây lắp	0		7,325,140,323	7,325,140,323
Giá vốn dịch vụ cho thuê	302,853,084	302,853,084	302,913,084	302,913,084
Giá vốn bán đá	13,170,512,588	13,170,512,588	12,705,079,293	12,705,079,293
Giá vốn vật liệu xây dựng khác	350,511,002	350,511,002	1,216,434,281	1,216,434,281
Giá vốn gia công, sx bê tông nhựa nóng	532,925,729	532,925,729	811,372,023	811,372,023
Cộng	14,356,802,403	14,356,802,403	22,360,939,004	22,360,939,004

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
	17,941,188	17,941,188	827,399	827,399
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	-		112,500,000	112,500,000
Lãi ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	-		3,679,140	3,679,140
Cộng	17,941,188	17,941,188	117,006,539	117,006,539

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Chi phí lãi trái phiếu	55,072,969	55,072,969	756,582,576	756,582,576
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	-		5,672,000,000	5,672,000,000
Dự phòng đầu tư tài chính	-		-	-
Cộng	55,072,969	55,072,969	6,428,582,576	6,428,582,576

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	103,772,168	103,772,168	137,222,189	137,222,189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387,501	387,501	-	-
Chi phí bằng tiền khác	-		85,270,455	85,270,455
Cộng	104,159,669	104,159,669	237,792,644	237,792,644

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,574,657,800	1,574,657,800	1,159,979,120	1,159,979,120
Chi phí vật liệu quản lý	67,387,170	67,387,170	41,447,179	41,447,179
Chi phí đồ dùng văn phòng	173,128,497	173,128,497	61,773,469	61,773,469
Chi phí khấu hao TSCĐ	211,777,151	211,777,151	155,728,959	155,728,959
Thuế, phí và lệ phí	22,293,919	22,293,919	31,249,152	31,249,152
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	799,056,215	799,056,215	389,723,162	389,723,162
Chi phí bằng tiền khác	21,727,000	21,727,000	8,500,000	8,500,000
Cộng	2,870,027,752	2,870,027,752	1,865,293,829	1,865,293,829

7. Thu nhập khác

	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Thu nhập từ cung cấp điện, nước	1,609,636,670	1,609,636,670	1,093,515,215	1,093,515,215
Thu nhập từ phí giám sát môi trường	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	8,290,878	8,290,878
Cộng	1,609,636,670	1,609,636,670	1,101,806,093	1,101,806,093

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

8. Chi phí khác

	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Chi phí tiền điện, nước	1,576,998,162	1,576,998,162	965,414,267	965,414,267
Chi phí giám sát môi trường	-	-	27,260,000	27,260,000
Phạt vi phạm hành chính	3,298,001	3,298,001	1,859,348	1,859,348
Phạt nộp chậm tiền bảo hiểm	1,499,652	1,499,652	1,632,725	1,632,725
Chi phí khác	-	-	4,800,659	4,800,659
Cộng	1,581,795,815	1,581,795,815	1,000,966,999	1,000,966,999

9. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm (1)	473,614,986	473,614,986	(5,400,171,919)	(5,400,171,919)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (2) = (3)+(4)	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng (3)	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (4)	-	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm (5)=(1)+(2)	473,614,986	473,614,986	(5,400,171,919)	(5,400,171,919)
Kết chuyển lỗ các quý trước (6)	-	-	-	-
Kết chuyển lỗ các năm trước (7)	-	-	-	-
Thu nhập tính thuế (8)=(5)+(6)+(7)	473,614,986	473,614,986	-	-
Thuế suất thuế TNDN (9)	20%	20%	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành trong năm (10)=(8)*(9)	94,722,997	94,722,997	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (11)=(1)-(10)	378,891,989	378,891,989	(5,400,171,919)	(5,400,171,919)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	522,993,099	522,993,099	1,947,966,429	1,947,966,429
Chi phí nhân công	1,965,196,779	1,965,196,779	1,923,906,077	1,923,906,077
Chi phí công cụ, dụng cụ	2,006,726,290	2,006,726,290	8,190,077,174	8,190,077,174
Chi phí khấu hao TSCĐ	9,190,146,063	9,190,146,063	687,795,157	687,795,157
Thuế, phí, lệ phí	22,293,919	22,293,919	31,249,152	31,249,152
Chi phí dự phòng	799,056,215	799,056,215	2,356,134,648	2,356,134,648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,580,484,978	4,580,484,978	3,725,528,074	3,725,528,074
Chi phí khác bằng tiền khác	-	-	4,909,938,225	4,909,938,225
Cộng	19,086,897,343	19,086,897,343	23,772,594,936	23,772,594,936

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 1 năm nay	Lũy kế năm nay	Quý 1 năm trước	Lũy kế năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (1)	378,891,989	378,891,989	(5,400,171,919)	(5,400,171,919)
Các khoản điều chỉnh giảm (2)=(3)+(4)	-	-	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi (3)	-	-	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ LNST (4)	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho CP phổ thông (5)=(1)-(2)	378,891,989	378,891,989	(5,400,171,919)	(5,400,171,919)
CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm (6)	35,797,814	35,797,814	20,000,000	20,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (7)=(5)/(6)	11	11	(270)	(270)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

VII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trị giá cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	984,587,607	21,385,742,759
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	574,981,399,489	124,225,127,149
Đầu tư vào cty con	784,124,765,352	325,374,765,352
Cộng	1,360,090,752,448	470,985,635,260

3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Giá trị ghi sổ	
	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả người bán	120,095,622,892	98,175,639,142
Các khoản phải trả khác	59,395,096,389	228,081,786,369
Vay và nợ thuê tài chính	480,203,658,900	130,531,509,900
Cộng	659,694,378,181	456,788,935,411

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI****Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022****4. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tại ngày 31/03/2022

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	984,587,607	-	984,587,607
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	521,308,633,389	53,672,766,100	574,981,399,489
Các khoản đầu tư	-	784,124,765,352	784,124,765,352
Cộng	522,293,220,996	837,797,531,452	1,360,090,752,448
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	120,095,622,892	-	120,095,622,892
Các khoản phải trả khác	55,308,096,389	4,087,000,000	59,395,096,389
Vay và nợ thuê tài chính	130,203,658,900	350,000,000,000	480,203,658,900
Cộng	305,607,378,181	354,087,000,000	659,694,378,181

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

4. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 01/01/2022

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,385,742,759	-	21,385,742,759
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	71,533,605,441	52,691,521,708	124,225,127,149
Các khoản đầu tư	-	325,374,765,352	325,374,765,352
Cộng	92,919,348,200	378,066,287,060	470,985,635,260
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	98,175,639,142	-	98,175,639,142
Các khoản phải trả khác	223,994,786,369	4,087,000,000	228,081,786,369
Vay và nợ thuê tài chính	130,531,509,900	-	130,531,509,900
Cộng	452,701,935,411	4,087,000,000	456,788,935,411

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;
Cộng

Năm nay	Năm trước
-	154,121,509,900
-	154,121,509,900

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường
Cộng

Năm nay	Năm trước
327,851,000	47,430,000,000
-	200,000,000,000
327,851,000	247,430,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

IX. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Các đơn vị được xem là các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty TNHH MTV Đầu tư DGT	Công ty con	100.00%
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng DGT	Công ty con	100.00%
Công ty TNHH MTV DGT - Nghệ An	Công ty con	100.00%
Công ty TNHH MTV DGT - Vũng Tàu	Công ty con	100.00%
Công ty TNHH Đồng Lợi	Công ty liên kết	50.00%
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt	

2. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan trong kỳ kế toán:

Bên liên quan	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV DGT - Vũng Tàu	13,200,000	13,200,000
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH MTV Đầu tư DGT	1,357,000,000	1,357,000,000
Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng DGT	21,895,857,885	19,207,312,765
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng DGT	7,400,000,000	6,200,000,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường
Tràng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

3. Các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng DGT	Bán hàng	10,673,954,880



Lưu Thị Hằng
Người lập biểu



Lương Thị Nhi Hải
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Minh
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2022

Phụ lục 01: Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
A. VAY NGẮN HẠN						
- Vay khác	130,531,509,900	129,042,500,000	-	327,851,000	130,203,658,900	130,203,658,900
Bùi Quang Lộc	129,042,500,000	129,042,500,000	-	327,851,000	128,714,649,000	128,714,649,000
Dương Công Ái	260,000,000	260,000,000	-	-	260,000,000	260,000,000
Nguyễn Thanh Phong	8,000,000,000	8,000,000,000	-	-	8,000,000,000	8,000,000,000
Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam - Vinaconex	17,235,000,000	17,235,000,000	-	327,851,000	16,907,149,000	16,907,149,000
	103,547,500,000	103,547,500,000	-	-	103,547,500,000	103,547,500,000
- Vay ngân hàng	1,489,009,900	-	-	-	1,489,009,900	1,489,009,900
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đồng Nai	1,489,009,900	-	-	-	1,489,009,900	1,489,009,900
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
B. VAY DÀI HẠN						
Trái phiếu thường	-	-	350,000,000,000	-	350,000,000,000	350,000,000,000
Cộng	-	-	350,000,000,000	-	350,000,000,000	350,000,000,000
	130,531,509,900	129,042,500,000	350,000,000,000	327,851,000	480,203,658,900	480,203,658,900

Đơn vị tính: VNĐ

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

Phụ lục 01: Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày kết thúc kỳ tài chính:

Các khoản vay ngắn hạn của Ông Bùi Quang Lộc:

- **Hợp đồng cho vay tiền số 01/CTGT-KTTK ngày 30/01/2020 và Phụ lục hợp đồng vay số 02/CTGT-KTTK Ngày 31/01/2021;**
Số tiền vay: 4.000.000.000 VND, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 31/01/2022 đến 31/01/2023
Lãi suất cho vay: 15%/năm; Lãi suất quá hạn: 0% lãi suất trong hạn
Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 260.000.000 VND

Các khoản vay ngắn hạn của Ông Dương Công Ái

- **Hợp đồng cho vay tiền số 02/CTGT-KTTK ngày 01/09/2020 và Phụ lục số 03/CTGT-KTTK Ngày 01/09/2021**
Số tiền vay: 25.000.000.000 VND, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 01/09/2021 đến 01/09/2022
Lãi suất cho vay: 15%/năm; Lãi suất quá hạn: 0% lãi suất trong hạn
Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 8.000.000.000 VND

Các khoản vay ngắn hạn của Ông Nguyễn Thanh Phong

- **Hợp đồng cho vay tiền số 01/DGT-NTP ngày 15/10/2021**
Số tiền vay: 17.235.000.000 VND, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 15/10/2021 đến 15/10/2022
Lãi suất cho vay: 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 0% lãi suất trong hạn
Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 16.907.149.000 VND

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

Phụ lục 01: Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính:

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty CP XNK và XD Việt Nam - Vinaconex

- Khế ước nhận nợ ngày 15/10/2021

Số tiền vay: 103.547.500.000 VND, thời hạn vay 180 ngày kể từ ngày 15/10/2021

Lãi suất cho vay: 11%/năm

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 103.547.500.000 VND

Các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Đồng Nai

- Hợp đồng cho vay: số ThachionlineSME-5809314 ngày 17/12/2021

Hạn mức thấu chi: 1.500.000.000 VND.

Mục đích vay: sử dụng cho mục đích Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng tính từ ngày Bên Ngân hàng ký kết hợp đồng bằng chữ ký số.

Lãi suất cho vay: 15%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì Hạn mức vay thấu chi.

Tại ngày 31/03/2022, số nợ vay phải trả là: 1.489.009.900 VND

CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

Phụ lục 01: Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày kết thúc kỳ tài chính:

Trái phiếu thường

ĐV tư vấn phát hành	Số cuối kỳ	Kỳ hạn	Lãi suất	
			Năm thứ nhất: 11%/năm (4 kỳ)	
Công ty Cổ phần chứng khoán Thủ Đức	350,000,000,000	24 tháng Ngày phát hành: 22/02/2022 Ngày đáo hạn: 22/02/2024	Từ năm thứ hai: Lãi suất trái phiếu được xác định bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ, giao dịch tại quầy do ngân hàng TPBank công bố tại thời điểm xác định lãi suất + 4% nhưng không thấp hơn 11%/năm.	



CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày
31/03/2022

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2021	200,000,000,000	34,635,272,727	21,282,835,714	495,757,954	256,413,866,395
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	6,076,266,315	6,076,266,315
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 01/01/2022	200,000,000,000	34,635,272,727	21,282,835,714	6,572,024,269	262,490,132,710
- Tăng vốn trong kỳ này (*)	590,000,000,000	118,000,000,000	-	-	708,000,000,000
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	378,891,989	378,891,989
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn kỳ này	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2022	790,000,000,000	152,635,272,727	21,282,835,714	(8,843,855)	(8,843,855)
				6,942,072,403	970,860,180,844